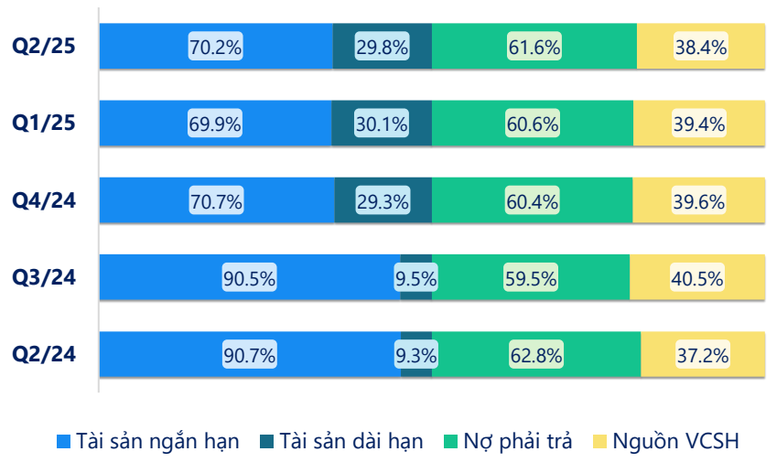
FireAnt

CTCP Tổng Công ty Công trình Đường sắt (UPCOM: RCC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	17,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,800
SL cổ phiếu LH	32,064,749
KLGD BQ 20 phiên (CP)	340
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	574
P/E	-18.0
EPS	-992

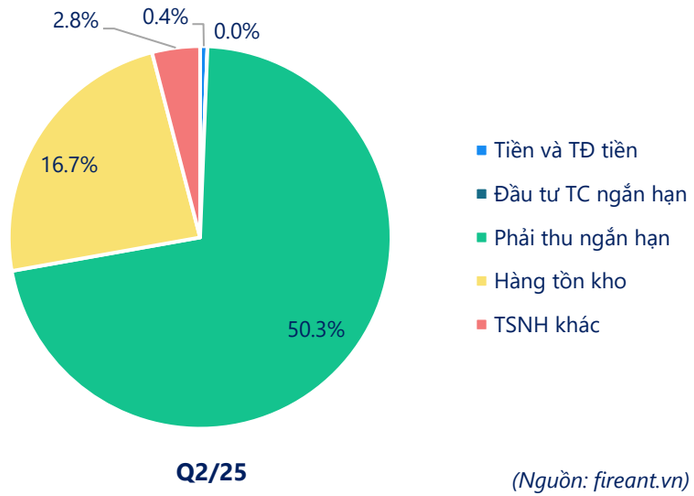
	YTD	1T	3T	6T
RCC	14.7%	-19.0%	-27.8%	-12.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



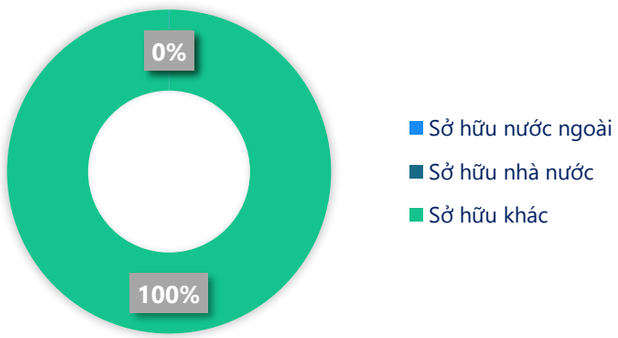
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



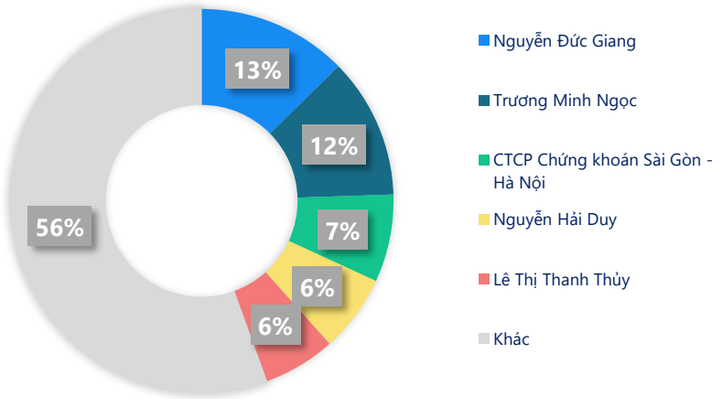
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



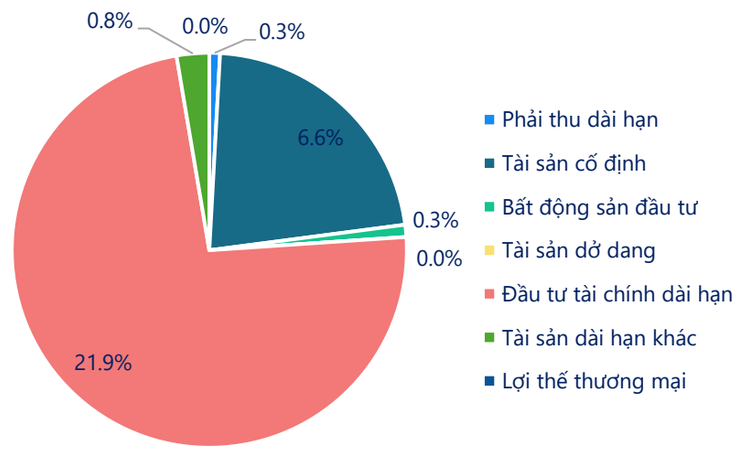
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

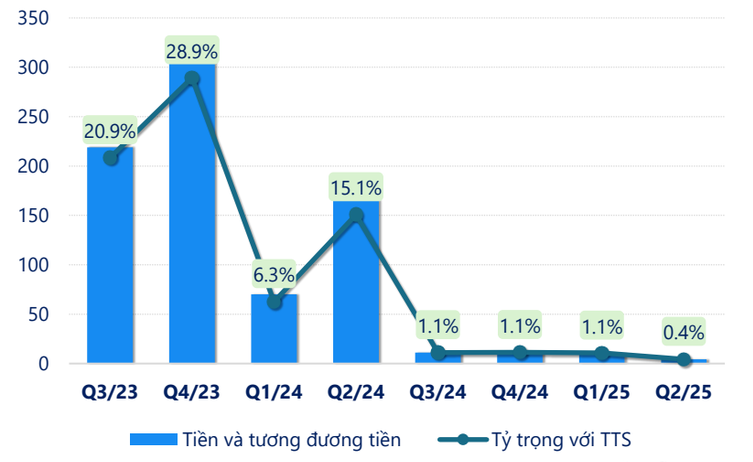


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

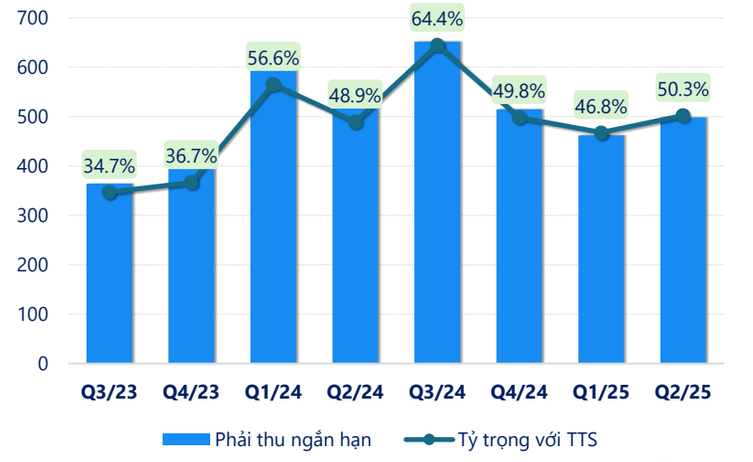
CTCP Tổng Công ty Công trình Đường sắt (UPCOM: RCC)

Tiền và tương đương tiền



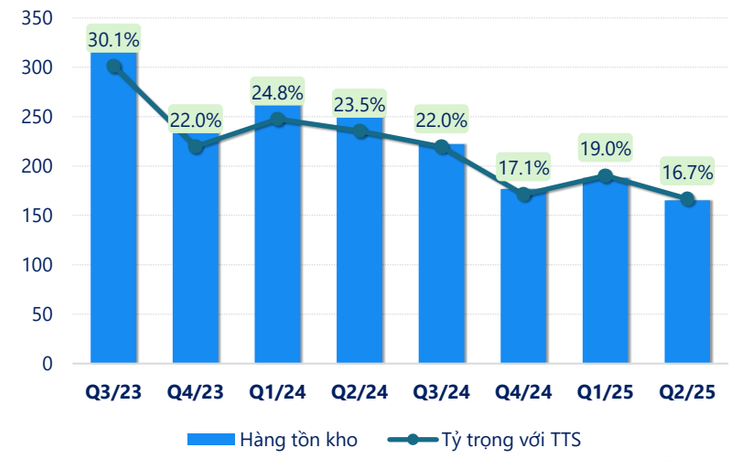
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



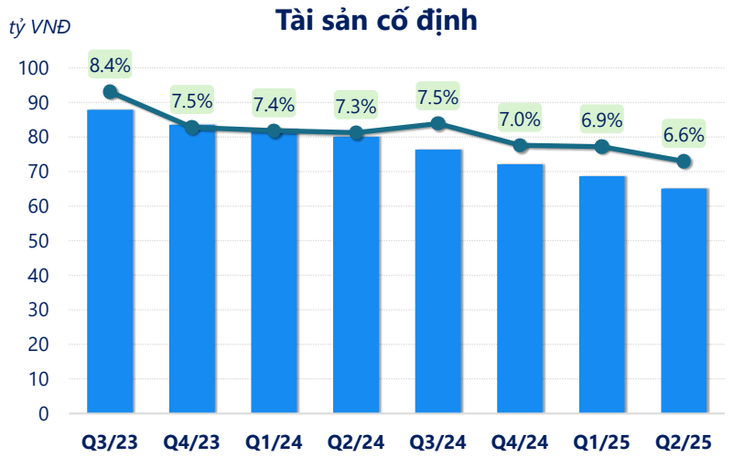
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



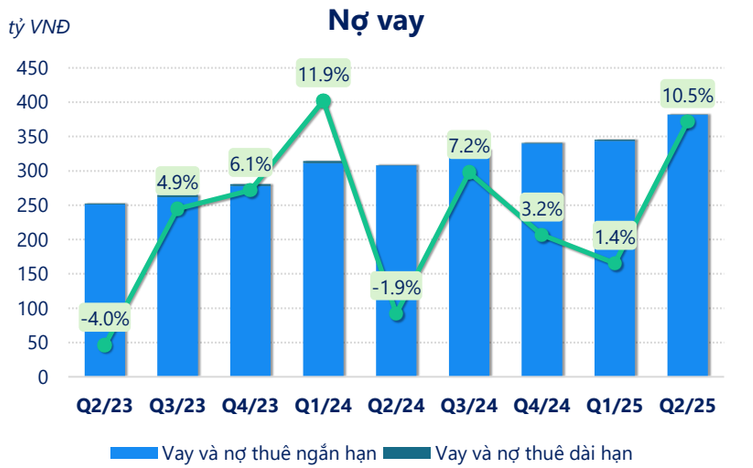
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



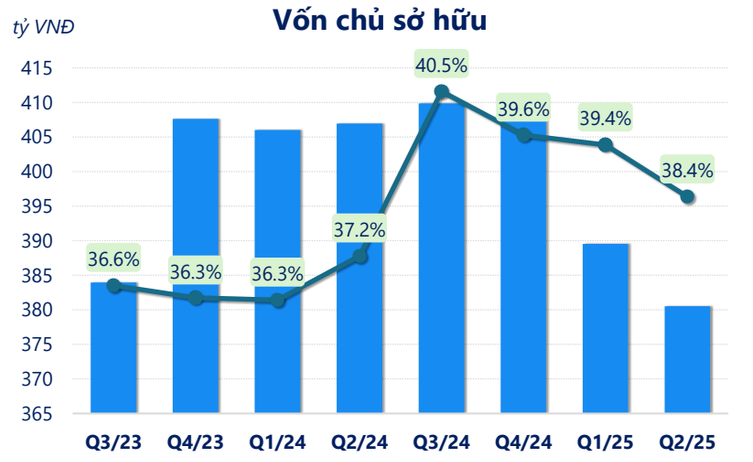
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

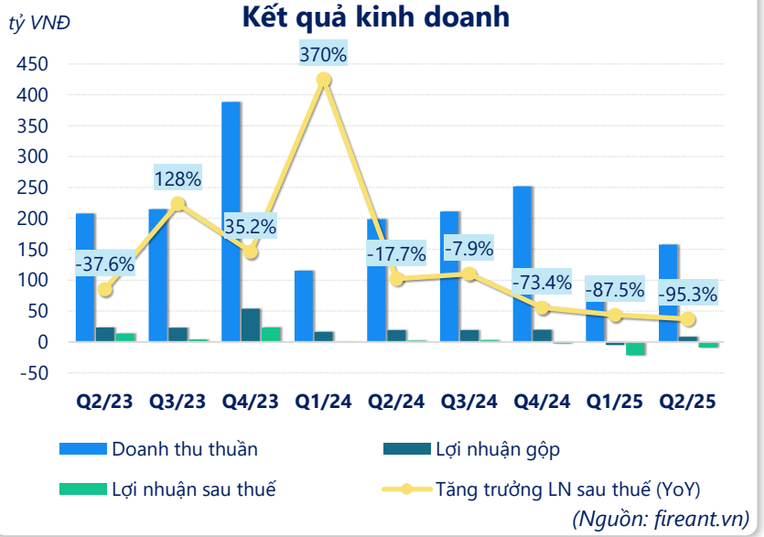
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

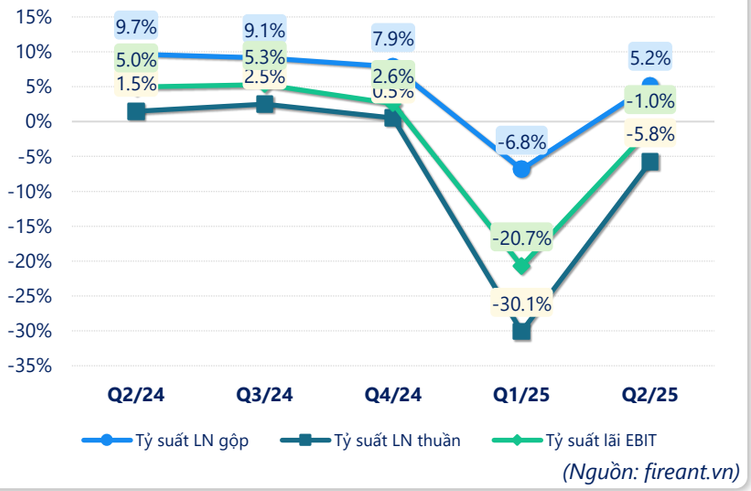
CTCP Tổng Công ty Công trình Đường sắt (UPCOM: RCC)

Kết quả kinh doanh



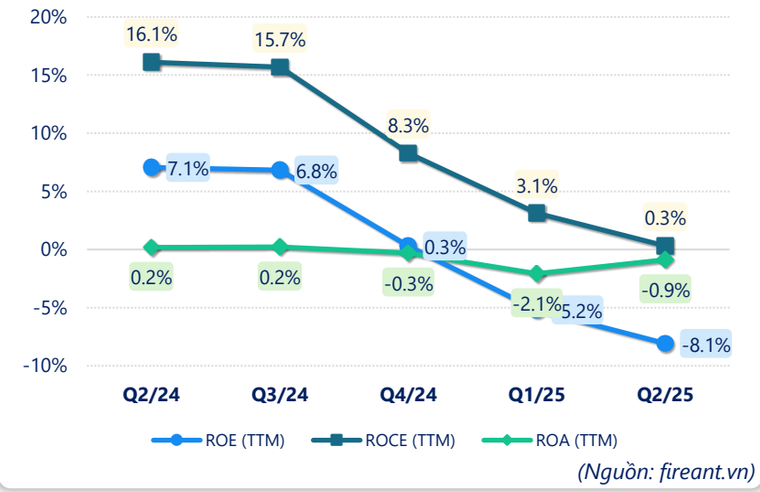
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



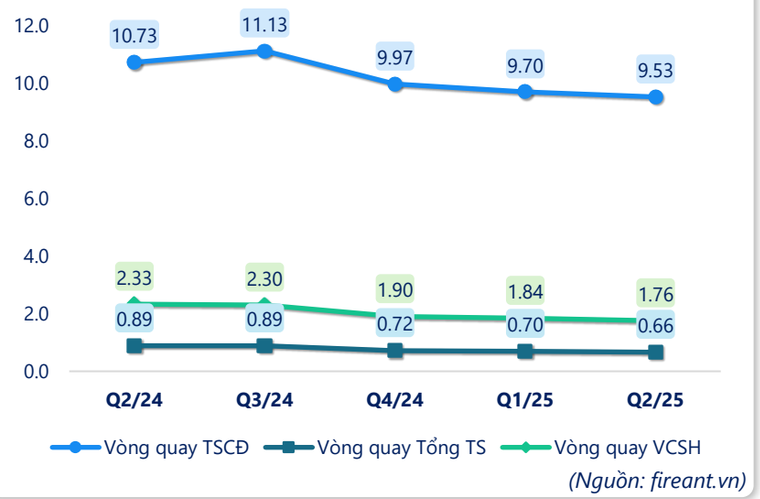
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



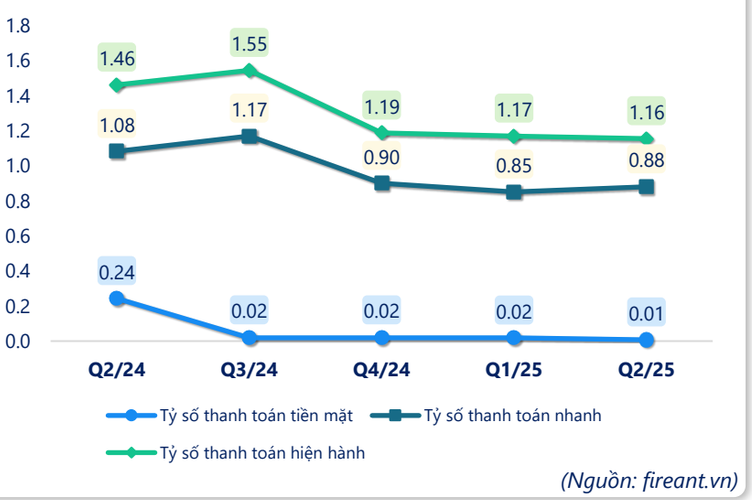
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



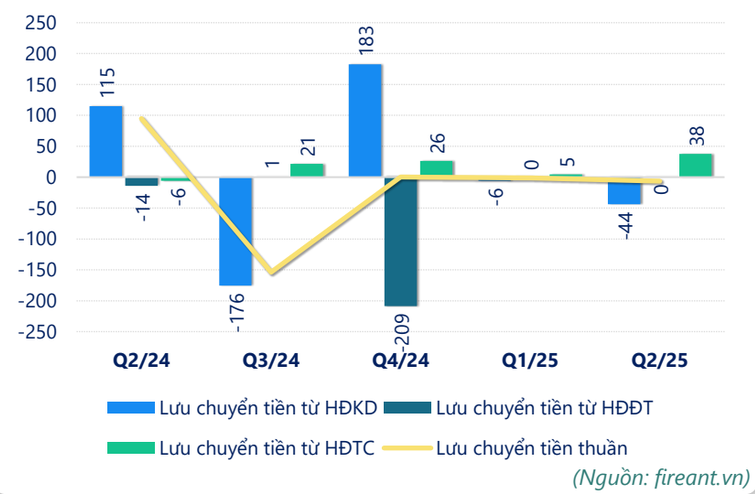
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tổng Công ty Công trình Đường sắt (UPCOM: RCC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**991**	**1,047**	**-5.3%**
Tài sản ngắn hạn	696	744	-6.4%
Tiền và tương đương tiền	4.30	11.6	-63.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	498	525	-5.1%
Hàng tồn kho	165	179	-7.5%
Tài sản ngắn hạn khác	28.2	28.7	-1.7%
Tài sản dài hạn	**295**	**303**	**-2.5%**
Phải thu dài hạn	2.57	2.38	8.1%
Tài sản cố định	65.1	72.1	-9.7%
Bất động sản đầu tư	2.95	2.99	-1.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	217	218	-0.4%
Tài sản dài hạn khác	**7.86**	**7.66**	**2.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	611	635	-3.9%
Nợ ngắn hạn	**602**	**627**	**-4.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	382	341	12.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	156	195	-20.0%
Nợ dài hạn	8.32	8.08	3.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.44	0.32	38.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**381**	**411**	**-7.5%**
Vốn chủ sở hữu	**381**	**411**	**-7.5%**
Vốn điều lệ	321	321	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	199	211	252	71.3	157
Giá vốn hàng bán	179	192	232	76.2	149
Lợi nhuận gộp	19.2	19.3	19.8	-4.88	8.16
Doanh thu HĐTC	0.07	0.02	0.93	0.07	-0.05
Chi phí TC	8.19	6.44	10.0	6.88	8.15
Chi phí lãi vay	6.28	6.44	7.89	6.83	7.32
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.66	0.15	0.04	0.03	0.21
Chi phí QLDN	7.50	7.43	9.39	9.74	8.84
LN thuần từ HĐKD	2.90	5.28	1.26	-21.5	-9.10
Lợi nhuận khác	0.65	-0.54	-2.70	-0.14	0.17
LN trước thuế	3.55	4.74	-1.44	-21.6	-8.93
Lợi nhuận sau thuế	2.24	3.07	-2.79	-21.7	-9.02
LNST của CĐ cty mẹ	2.01	2.28	-3.09	-21.9	-9.14

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	115	-176	183	-5.76	-43.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-14.1	0.55	-209	0.05	-0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.99	21.5	26.2	4.61	37.6
Tiền đầu kỳ	70.2	165	11.2	11.6	10.5
Lưu chuyển tiền thuần	**94.8**	**-154**	**0.40**	**-1.11**	**-6.22**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	165	11.2	11.6	10.5	4.30

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic